

Số: 15 /TB-CCTT&BVTV

Vinh Phúc, ngày 15 tháng 4 năm 2020

**THÔNG BÁO**  
**TÌNH HÌNH SINH VẬT HẠI CÂY TRỒNG 7 NGÀY**  
(Từ ngày 08/04 đến ngày 14/04/2020)

**I. TÌNH HÌNH THỜI TIẾT VÀ SINH TRƯỞNG CỦA CÂY TRỒNG**

**1. Thời tiết**

Trong tuần trời lạnh, ít nắng, mưa rào rải rác. Lượng mưa đo được tại Vĩnh Yên 59 mm (cao hơn CKNT). Nhiệt độ trung bình 21,6<sup>0</sup>C (thấp hơn CKNT), cao nhất 28<sup>0</sup>C, thấp nhất 16<sup>0</sup>C.

Âm độ trung bình 76 - 84,2% (xấp xỉ CKNT).

Số giờ nắng đạt 14 - 18 giờ (thấp hơn CKNT).

**2. Cây trồng và giai đoạn sinh trưởng**

Diện tích gieo trồng vụ Xuân 2020 đến nay ước đạt 38.153,3 ha:

- Lúa xuân:

+ Lúa Xuân sớm: 3.005,3 ha (trở - chắc xanh);

+ Lúa Xuân muộn 26.802,8 ha (đòng già - trở).

- Ngô: 2.081,9 ha (xoáy nõn - trở cò - phun râu);

- Đậu tương: 59 ha (ra hoa);

- Lạc: 1.583,2 ha (đâm tia - củ non);

- Khoai lang: 272 ha (PTTL - tạo củ)

- Rau các loại: 2.468,7 ha (các giai đoạn);

- Cây trồng khác: 1.852,4 ha (các giai đoạn).

Trong tuần trời lạnh, có mưa rào rải rác, cây trồng sinh trưởng, phát triển chậm. Một số đối tượng sâu, bệnh phát sinh gây hại nhẹ - trung bình.

**II. NHẬN XÉT TÌNH HÌNH SINH VẬT HẠI 7 NGÀY QUA**

Trưởng thành vào bầy đên (con/đên/đêm): Sâu đục thân 2 chấm 0,1 con (cao hơn kỳ trước), nơi cao 2 con (Vĩnh Tường); Sâu đục thân cú mèo 0,06 con (xấp xỉ kỳ trước), nơi cao 1 con (Tam Dương, Vĩnh Tường); Rầy nâu 1,4 con (cao hơn kỳ trước), nơi cao 16 con (Bình Xuyên); Rầy lưng trắng 0,47 con (thấp hơn kỳ trước), nơi cao 4 con (Sông Lô, Bình Xuyên); Rầy xanh đuôi đen 0,2 con (cao hơn kỳ trước), nơi cao 3 con (Sông Lô); Sâu cuốn lá nhỏ 0,39 con (cao hơn kỳ trước), nơi cao 3 con (Phúc Yên).

## 1. Trên lúa

### - Trên lúa Xuân sớm

+ Bệnh đạo ôn gây hại cục bộ, tỷ lệ lá hại phổ biến 0,5 - 0,8%, cao 4 - 6% , cục bộ > 20% (Sông Lô, Bình Xuyên).

+ Sâu đục thân cú mèo (tuổi 5, nhộng) gây hại cục bộ, tỷ lệ đánh hại phổ biến 0,5 - 0,7%, cao 2 - 4% (Vĩnh Tường, Yên Lạc,...).

+ Rầy nâu, rầy lưng trắng (rầy cám, tuổi 3, 4, 5, TT) hại rải rác, mật độ phổ biến 30 - 70 con/m<sup>2</sup>, cao 500 - 800 con/m<sup>2</sup>, cục bộ 4.000 - 6.000 con/m<sup>2</sup> (Lập Thạch, Sông Lô,...).

+ Bệnh khô vằn gây hại diện rộng, tỷ lệ đánh hại phổ biến 2 - 3%, nơi cao 10 - 20%, cục bộ 40% (Vĩnh Tường).

+ Bệnh bạc lá, đốm sọc vi khuẩn gây hại cục bộ, tỷ lệ lá hại phổ biến 3 - 4%, nơi cao 20% (Bình Xuyên).

+ Chuột gây hại diện tích lúa ven đầm, gần đường đi, nơi khô nước, tỷ lệ đánh hại phổ biến 0,5 - 1%, cao 2 - 4%, cục bộ > 5% (Bình Xuyên, Sông Lô,...).

### - Trên lúa Xuân muộn

+ Chuột gây hại nhẹ - trung bình, nặng cục bộ, tỷ lệ đánh hại phổ biến 3 - 5%, cao 8 - 10%, cục bộ > 10% (Yên Lạc, Tam Dương, Bình Xuyên).

+ Sâu đục thân cú mèo gây hại rải rác, tỷ lệ đánh hại phổ biến 0,3 - 0,5%, nơi cao 2 - 4% (Vĩnh Tường, Phúc Yên, Vĩnh Yên,...).

+ Bệnh khô vằn gây hại diện rộng, tỷ lệ đánh hại phổ biến 3 - 5%, nơi cao 10 - 15%, cục bộ > 20% (Tam Dương, Vĩnh Tường, Bình Xuyên,...).

+ Bệnh bạc lá, đốm sọc vi khuẩn gây hại cục bộ, tỷ lệ lá hại phổ biến 3 - 4%, nơi cao 10 - 20%, cục bộ > 40% (Tam Đảo, Yên Lạc,...).

+ Rầy nâu, rầy lưng trắng (tuổi 3, 4, 5, TT) hại rải rác, mật độ phổ biến 10 - 20 con/m<sup>2</sup>, cao 100 - 150 con/m<sup>2</sup>, cục bộ 300 - 400 con/m<sup>2</sup> (Tam Đảo).

Ngoài ra: Châu chấu, sâu cuốn lá nhỏ gây hại rải rác.

## 2. Trên cây rau, màu

- Trên cây rau thập tự: Sâu tơ, sâu xanh, sâu khoang gây hại nhẹ, mật độ sâu xanh phổ biến 0,3 - 0,5 con/m<sup>2</sup>, cao 2 - 3 con/m<sup>2</sup> (Phúc Yên, Vĩnh Yên).

- Trên cây dưa chuột: Bệnh sương mai, héo xanh gây hại nhẹ, tỷ lệ lá hại phổ biến 0,1 - 0,3%, cao 1 - 3% (Tam Dương).

## 3. Cây ăn quả (nhãn, vải, xoài)

- Cây nhãn, vải: Bệnh sương mai, nhện lông nhung gây hại rải rác, tỷ lệ cành lá hại phổ biến 2 - 3%, cao 10 - 13% (Sông Lô). Ngoài ra bọ xít, bệnh thán thư, nhện gây hại rải rác.

- Cây xoài: Bệnh thán thư gây hại cục bộ.



**4. Cây lâm nghiệp (thông, keo):** Sâu róm thông, sâu kèn nhỏ gây hại với mật độ thấp.

### **III. DỰ BÁO TÌNH HÌNH SINH VẬT GÂY HẠI TỪ NGÀY 15/04 - 21/04**

#### **1. Trên lúa**

- Trên lúa Xuân sớm: Sâu đục thân, chuột, rầy tiếp tục phát sinh gây hại; bệnh khô vằn gây hại diện rộng. Bệnh bạc lá, đốm sọc vi khuẩn phát triển gây hại mạnh trong điều kiện mưa nhiều, độ ẩm không khí cao kèm gió mạnh, cần theo dõi và có biện pháp phòng trừ kịp thời. Chú ý theo dõi bệnh đạo ôn phát sinh gây hại vùng chiêm trũng trên các giống lúa NX30, Xi23, X21, J02, nếp ... phát hiện sớm, kịp thời tổ chức phòng trừ bằng thuốc đặc hiệu.

- Trên lúa Xuân muộn: Sâu đục thân, chuột, ruồi đục lá, sâu cuốn lá nhỏ, bệnh đạo ôn, bệnh khô vằn... hại rải rác. Chú ý bệnh bạc lá, đốm sọc vi khuẩn phát triển gây hại mạnh trong điều kiện mưa nhiều độ ẩm không khí cao kèm gió mạnh, cần theo dõi và có biện pháp phòng chống kịp thời.

**2. Cây ngô:** Chú ý theo dõi sâu keo mùa thu phát sinh gây hại để có biện pháp phòng chống kịp thời.

#### **3. Cây rau**

- Trên cây cà chua, dưa chuột: Bệnh héo xanh, sương mai, giả sương mai tiếp tục phát sinh gây hại rải rác.

- Trên rau thập tự: Bọ nhảy, sâu khoang, sâu xanh, bệnh sương mai gia tăng gây hại.

- Trên cây su su: Bệnh sương mai gia tăng gây hại cục bộ.

#### **4. Cây ăn quả (nhãn, vải, xoài)**

- Cây nhãn, vải: Nhện lông nhung, bệnh sương mai gây hại nhẹ.

- Cây xoài: Sâu bệnh gây hại rải rác.

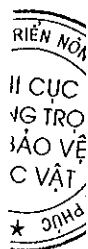
### **IV. ĐỀ NGHỊ VÀ CÁC BIỆN PHÁP QUẢN LÝ**

#### **1. Đề nghị**

- Trong giai đoạn lúa đứng cái - làm đòng - trở cần duy trì mực nước 2 - 3 cm để đảm bảo sinh trưởng của cây lúa.

- Theo dõi chặt chẽ diễn biến thời tiết; thường xuyên thăm đồng, kiểm tra, theo dõi phát hiện sớm các đối tượng sâu bệnh hại để chủ động có biện pháp phòng chống kịp thời (chú ý rầy, bệnh đạo ôn, bệnh khô vằn, bệnh bạc lá, đốm sọc vi khuẩn, chuột,... hại lúa).

- Trạm Trồng trọt & BVTV các huyện, thành phố phối hợp với phòng Nông nghiệp & PTNT (phòng Kinh tế) để chỉ đạo cơ sở phòng trừ kịp thời, an toàn, hiệu quả trong cao điểm sâu bệnh hại trong tháng 4, tháng 5.



- Thực hiện tốt công tác quản lý việc buôn bán và sử dụng phân bón, thuốc BVTV; công tác kiểm dịch thực vật nội địa trên địa bàn tỉnh.

## 2. Biện pháp quản lý

- Đối với diện tích lúa bị bệnh đạo ôn, khi tỷ lệ bệnh từ 5% lá hại; 2,5% bông hại dùng: Filia 525SE, Bankan 600WP, Amistar Top 325SC, Fuji-One 40EC,... Những ruộng bệnh nặng trên 20% lá hại cần phun nhắc lại lần 2 cách lần 1 từ 5 - 7 ngày. Giữ mực nước trên ruộng từ 3 - 5cm, ngừng bón các loại phân cho đến khi vết bệnh dừng hẳn mới chăm sóc tiếp.

- Đối với diện tích lúa rầy hại, khi mật độ trên 750 con/m<sup>2</sup>: Dùng thuốc Midan 10WP, Actara 25WG, Chess 50WG, Sutin 5EC...

- Đối với những diện tích lúa bị bệnh bạc lá, đốm sọc vi khuẩn cần phun ngay bằng các loại thuốc: Totan 200WP, Ychatot 900SP, Avalon 8WP, Kasumin 2SL, Starner 20WP... Những ruộng bệnh nặng trên 40% lá hại cần phun nhắc lại lần 2 cách lần 1 từ 5 - 7 ngày.

- Đối với những diện tích lúa bị bệnh khô vằn, khi có 10% danh hại dùng: Tiltsuper 300EC, Validacin 5L, Lervil 50SC, Anvil 5SC, Jिंगgang meisu 3SL, ...

- Khi phun thuốc cần thực hiện theo nguyên tắc “4 đúng” và theo hướng dẫn của nhà sản xuất ghi trên bao bì.

- Thăm đồng thường xuyên để phát hiện và xử lý kịp thời các đối tượng sâu bệnh hại trên đồng ruộng.

- Tích cực thực hiện các biện pháp thủ công bắt sâu non, vọt bướm, ngắt ổ trứng, sử dụng các loại bẫy bắt chuột; bẫy dính, bẫy màu vàng, bả chua ngọt để tiêu diệt trưởng thành một số loại sâu hại./.

Trên đây là Thông báo tình hình sinh vật hại cây trồng 7 ngày (từ ngày 08/04 - 14/04/2020), Chi cục Trồng trọt & BVTV Vĩnh Phúc trân trọng thông báo./.

### Nơi nhận:

- Cục BVTV (b/c);
- VP UBND tỉnh (b/c);
- Sở NN&PTNT (b/c);
- Cục Thống kê tỉnh;
- TT BVTV phía Bắc;
- Lãnh đạo Chi cục;
- Các đơn vị liên quan;
- Phòng NN&PTNT (Kinh tế) các huyện, thành phố;
- Lưu: VT, BVTV.

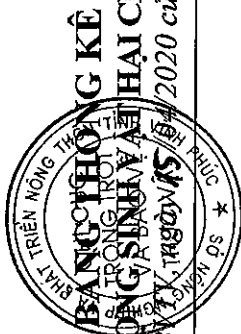
*Cos*

### CHI CỤC TRƯỞNG



**Nguyễn Bá Tuệ**

**DIỆN TÍCH, MẬT ĐỘ VÀ PHÂN BỐ MỘT SỐ ĐỐI TƯỢNG SINH VẬT HẠI CHÍNH TRÊN CÂY TRỒNG TỪ NGÀY 08/04 - 14/04/2020**  
(Kèm theo Thông báo số 15/TB-CCTT & BVTX ngày 15/04/2020 của Chi cục Trồng trọt & BVTX Vĩnh Phúc)



Cây trồng	GDST	Sinh vật hại	Mật độ sâu, tỷ lệ hại						Diện tích nhiễm (ha)						DTN so CKNT (ha)	DTPT (ha)	Phân bố
			ĐVT	Nhẹ	TB	Nặng	Tổng	Nhẹ	TB	Nặng	Mtr	Nhẹ	TB	Nặng			
Lúa xuân sớm	Trổ - chắc xanh	Chuột	%DH	2,9	5			28	21	7					-181,1	23	Rải rác
		Đạo ôn	%LH	10	20	26		5,7	5	0,5	0,2				+5,7	6,1	Cục bộ
		Rầy	Con/m <sup>2</sup>	833,3	2250			37,8	34	3,8					+11,2		Cục bộ
		Bệnh khô vằn	%DH	11	26,7			130	112	18					-5	120	Rải rác
		Bệnh bạc lá	%LH	10	23	40		7	4,5	2	0,5				+7	3	Cục bộ
Lúa xuân muộn	Đòng già - trổ	Chuột	%DH	4,6	8,6	17,1		307	253	46	8				-93	397	Rải rác
		Sâu đục thân củ mèo	%DH	3,5				2	2						+2	2	Cục bộ
		Khô vằn	%DH	10,4	22,4	41,5		1092	840	185	67				+772	880	Rải rác
		Bệnh đạo ôn	%LH	8,3	20	30		5,653	5,073	0,5	0,08				-5,847	6,1	Cục bộ
		Bệnh bạc lá	%LH	11,7	21	41		11,5	8	2	1,5				+11,5	7	Cục bộ
Cây ăn quả	Ra lộc - ra hoa	Sương mai	%LH	12,5				10	10					-	10	Cục bộ	
		Nhện lưng nhung	%CH	12,5				10	10					-	10	Cục bộ	
		<b>Tổng</b>							<b>1.647</b>	<b>1.305</b>	<b>264,8</b>	<b>77,28</b>		<b>1.464</b>			

**Ghi chú:** GDST: Giai đoạn sinh trưởng; ĐVT: Đơn vị tính; TB: Trung bình; Mtr: Mất trắng; DTN: Diện tích nhiễm; LH: Lá hại; DH: Đánh hại; KH: Khóm hại; CH: Cây hại; CKNT: Cùng kỳ năm trước; PTTL: Phát triển thân lá; DTPT: Diện tích phòng trừ.

**Cán bộ tổng hợp:** KS. Đặng Thị Lương.